

Bản án số: 43/2019/DS-ST
Ngày 07-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Ông Huỳnh Minh Bền
- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 12 tháng 4 và ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phan Hoài T**

Địa chỉ: Trương Phùng X, khóm B, phường T, Tp.C, tỉnh C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Đặng Minh Q**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: phường N, Tp. C, tỉnh C theo giấy ủy quyền ngày 09/01/2019. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đặng Minh H**, là luật sư văn phòng luật sư Minh H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt)

Bị đơn: Ông **Phan Quốc Th**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: đường Trương Phùng X, khóm B, phường T, Tp. C, tỉnh C. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Thị Thúy H**

Địa chỉ: đường Trương Phùng X, khóm B, phường T, Tp. C, tỉnh C. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng người đại diện nguyên đơn trình bày: Vào ngày 30/10/2018 anh Phan Quốc Th có vay của anh Phan Hoài T số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để kinh doanh, mua bán, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày vay. Khi vay nợ anh Th có làm giấy vay tiền và thỏa thuận đến thời điểm T toán sẽ trả luôn vốn vay và lãi nhưng đến hạn anh Th không trả vốn và lãi cho anh T theo như thỏa thuận. Việc anh Th vay tiền của anh T thì chị Phan Thị Thúy H có biết vì anh Th vay tiền sử dụng cho mục đích chung của gia đình.

Nay anh Phan Hoài T yêu cầu anh Phan Quốc Th và chị Phan Thị Thúy H cùng có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền vay là 200.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày vay tiền đến ngày 07/5/2019 là 06 tháng 07 ngày là 20.694.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 220.694.000đ (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Bị đơn Phan Quốc Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thị Thúy H trình bày: Trong năm 2016 anh Th, chị H có vay anh T 03 lần với tổng số tiền là 60.000.000đ. Quá trình vay thỏa thuận anh Th, chị H phải trả tiền góp và lãi mỗi ngày là 800.000đ và đã trả được khoản 03 tháng thì không có khả năng T toán tiếp đến ngày 30/10/2018 anh T cho người không chế, ép buộc anh Th ký giấy nhận nợ số tiền 200.000.000đ. Tuy nhiên anh Th, chị H cho rằng tất cả khoản tiền đã trả không có giấy tờ gì chứng minh, vì khi vay tiền anh T giữ biên nhận còn góp tiền và đóng lãi anh T không có ghi biên nhận ngược lại. Nay anh Th, chị H cho rằng hoàn cảnh gia đình khó khăn, không còn khả năng T toán. Do đó, anh Th, chị H chỉ thống nhất trả số tiền vốn vay là 60.000.000đ và tiền lãi theo quy định.

Tại phiên xét xử ngày 12/4/2016 bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhiều lần khẳng định giao dịch vay của các đương sự được diễn ra từ năm 2016 với số tiền vay là 60.000.000đ nhưng không có tiền T toán lãi nên ngày 30/10/2018 anh T đã cộng dồn vốn và lãi lên đến 200.000.000đ, ép buộc anh Th pH ghi biên nhận nợ nên yêu cầu được tham gia đối chất cùng với anh T nên Hội đồng xét xử thống nhất ngừng phiên tòa cho các đương sự đối chất với nhau. Tại phiên đối chất ngày 24/4/2019 thì anh T vẫn khẳng định số tiền 200.000.000đ là do anh T đã cho anh Th vay vào ngày 30/10/2018 với mục đích cho chị H có vốn buôn bán và cho anh Th làm giấy tờ nhà, đất để có điều kiện vay tiền Ngân hàng, anh T hoàn toàn không thừa nhận có việc cho vay 60.000.000đ lãi nhập vốn lên đến 200.000.000đ. Ngoài ra, anh T còn cho rằng lý do cho anh Th vay số tiền lớn nhưng không có thế chấp tài sản là do anh Th và anh T là bạn từ nhỏ đến lớn cả hai gia đình gần nhau nhiều năm, anh Th có công ăn việc làm ổn định nên anh T đã tin tưởng cho vay.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn tranh luận: Đối với khoản tiền anh T cho anh Phan Quốc Th vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào 30/10/2018 là thực tế có xảy ra do khi vay nợ anh Th có làm giấy vay tiền và tại phiên Tòa anh Th vẫn thừa nhận biên nhận chính do anh Th viết, hiện anh Th, chị H cho rằng biên nhận này là do anh T không chế viết là không có căn cứ bởi anh Th là người đã đủ năng lực hành vi dân sự, hiện không có cơ sở xác định đây là khoản tiền vốn và lãi cộng dồn và việc anh Th vay tiền của anh T thì chị Phan Thị Thúy H có biết, do anh Th vay tiền sử dụng cho mục đích chung của gia đình và hôn nhân anh Th chị H đang tồn tại nên căn cứ theo luật hôn nhân gia đình thì anh Th và chị H pH cùng có trách nhiệm trả nợ cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Hoài T khởi kiện yêu cầu anh Phan Quốc Th và chị Phan Thị Thúy H T toán khoản tiền vốn là 200.000.000 đồng và lãi theo quy định từ ngày 30/10/2018 phát sinh từ giao dịch tiền vay. Do đó tranh chấp giữa các

đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay của các bên là có diễn ra trong thực tế đã được các đương sự thừa nhận nhưng về số tiền vay và thời gian bắt đầu vay thực tế hai bên chưa thống nhất. Đối với anh T trình bày có cho anh Th vay 200.000.000đ, việc vay tiền được thể hiện trong “giấy vay tiền” đề ngày 30/10/2018 có chữ viết và chữ ký của anh Th, anh Th cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền ngày 30/10/2018 là của anh nhưng cho rằng do bị anh T ép buộc nên anh mới ký vào giấy vay tiền, thực tế anh chỉ vay của anh T nhiều lần tổng số tiền 60.000.000đ và đã trả lãi cho anh T số tiền nhiều hơn vốn vay. Tuy nhiên, tại phiên Tòa chính anh Th cũng thừa nhận hiện anh Th không có căn cứ chứng minh được việc anh ký vào giấy vay tiền là do bị ép buộc do sau khi anh viết biên nhận nợ cho anh T, anh chỉ nghĩ là viết để đỡ từ từ có tiền T toán anh không nghĩ là anh T sẽ kiện nên anh đã không trình báo chính quyền địa phương việc bị ép buộc ghi nợ có lãi cao. Ngoài ra, anh Th và chị H cũng thừa nhận hiện không có bất cứ chứng cứ nào để chứng minh việc anh Th, chị H đã vay nợ từ năm 2016 số tiền 60.000.000đ. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không thừa nhận và tại biên bản đối chất ngày 24/4/2019 anh T cũng không thừa nhận việc cho anh Th vay 60.000.000đ và nhận tiền lãi từ anh Th, chị H, vì vậy không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của anh Th và chị H để làm cơ sở điều chỉnh lại lãi và vốn.

Đối với chị H mặc dù không có ký tên vào giấy vay tiền cùng với anh Th, tuy nhiên quá trình hòa giải và tại phiên Tòa chính chị H cũng thừa nhận hiện chị và anh Th là vợ chồng và các khoản tiền vay của anh Th điều sử dụng chung trong gia đình nên các khoản tiền nợ của anh Th là nợ chung của vợ chồng nên chị H cũng đồng ý sẽ cùng có trách nhiệm T toán với anh Th vì vậy cần buộc anh Th và chị H cùng có trách nhiệm T toán khoản tiền vay cho anh T là phù hợp.

[3] Đối với số tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng x 06 tháng 07 ngày = 20.694.000đ là đúng với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy tổng số tiền vốn và tiền lãi anh Phan Quốc Th, chị Phan Thị Thúy H có nghĩa vụ T toán cho anh Phan Hoài T là 220.694.000đ (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi 20.694.000đ.

[5] Về án phí, theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn pH chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không pH chịu, đã nộp tiền tạm ứng án phí được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và Điều 35, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 của luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ điểm đ, Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Hoài T. Buộc anh Phan Quốc Th và chị Phan Thị Thúy H thanh toán cho anh Phan Hoài T số tiền là là **220.694.000đ (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi 20.694.000đ.**

Kể từ ngày anh Phan Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phan Quốc Th và chị Phan Thị Thúy H không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Phan Quốc Th và chị Phan Thị Thúy H phải nộp là **11.034.000 đồng (Mười một triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng) (chưa nộp)**. Anh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp vào ngày 09/01/2019 là 5.345.000 đồng theo biên lai số 0001938 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Trúc

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 07 tháng 5 năm 2019.

Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:

Bà Trịnh Xuân Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLST- DS ngày 09 tháng 01 năm 2019, về việc tranh chấp hợp đồng vay, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Phan Hoài T**

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Đặng Minh Q,**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: **Ông Đặng Minh H, là luật sư văn phòng luật sư Minh H** thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Ông **Phan Quốc Th,** sinh năm: 1980

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Thị Thúy H**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật,

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và Điều 35, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ, Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Hoài T. Buộc anh Phan Quốc Th và chị Phan Thị Thúy H T toán cho anh Phan Hoài T số tiền là **220.694.000đ (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng).** Trong đó: **Tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi 20.694.000đ.**

Kể từ ngày anh Phan Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phan Quốc Th và chị Phan Thị Thúy H không tự nguyện thi hành xong, thì pH trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Phan Quốc Th và chị Phan Thị Thúy H pH nộp là **11.034.700 đồng (Mười một triệu đồng) (chưa nộp).** Anh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp vào ngày 09/01/2019 là 5.345.000 đồng theo biên lai số 0001938 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc cùng ngày 07 tháng 5 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Trúc